

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA

Căn cứ các Điều 212, 213 và Điều 397, điểm b Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 2736/2022/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2022 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, nuôi con chung” gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1. Anh **Vũ Ngọc B**, sinh năm 1985.

Hộ khẩu thường trú: khu phố X, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Chỗ ở hiện nay: tổ Y, khu phố Z, phường T, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

2. Chị **Phạm Thị Ngọc T**, sinh năm 1984.

Hộ khẩu thường trú: khu phố X, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Ngày 19 tháng 9 năm 2022, anh Vũ Ngọc B và chị Phạm Thị Ngọc T nộp đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn. Hồ sơ được Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa tiếp nhận giải quyết. Quá trình vận động hòa giải, anh Vũ Ngọc B và chị Phạm Thị Ngọc T thống nhất không hòa giải đoàn tụ. Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa đã lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành và biên bản ghi nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận việc nuôi con chung vào ngày 01 tháng 11 năm 2022. Anh Vũ Ngọc B và chị Phạm Thị Ngọc T có cùng hộ khẩu thường trú tại khu phố X,

phường T, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai và đã nộp tiền tạm ứng lệ phí giải quyết việc dân sự. Do đó, đơn yêu cầu của anh Vũ Ngọc B và chị Phạm Thị Ngọc T được Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa thụ lý và giải quyết là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung đơn yêu cầu:

Anh Vũ Ngọc B và chị Phạm Thị Ngọc T kết hôn vào năm 2009, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai và được Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 315, quyển số 02/2009, ngày 23/11/2009. Anh Vũ Ngọc B và chị Phạm Thị Ngọc T có 02 con chung là cháu Vũ Gia H, sinh ngày 04/6/2011 và cháu Vũ Nguyên K, sinh ngày 07/01/2016. Anh Vũ Ngọc B và chị Phạm Thị Ngọc T xác định tài sản chung tự thỏa thuận, nợ chung không có.

Trong quá trình chung sống, anh chị thừa nhận hai bên phát sinh nhiều mâu thuẫn, cuộc sống không hạnh phúc. Anh B và chị T xác định tình cảm không còn, không đồng ý hòa giải đoàn tụ mà đề nghị Tòa án công nhận việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận về nuôi con chung.

Xét thấy anh B và chị T thực sự tự nguyện ly hôn, đã thỏa thuận được với nhau về việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con; sự thỏa thuận của anh B và chị T đảm bảo quyền lợi chính đáng của vợ con. Do đó, đủ cơ sở để Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa chấp nhận đơn yêu cầu của anh B và chị T.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn của anh Vũ Ngọc B và chị Phạm Thị Ngọc T.

- Về con chung: Anh Vũ Ngọc B và chị Phạm Thị Ngọc T có 02 con chung là cháu Vũ Gia H, sinh ngày 04/6/2011 và cháu Vũ Nguyên K, sinh ngày 07/01/2016. Ly hôn, anh B, chị T thỏa thuận giao cháu Vũ Gia H và cháu Vũ Nguyên K cho chị Phạm Thị Ngọc T trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Tạm thời, anh B không cấp dưỡng nuôi con.

Anh Vũ Ngọc B không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, trong trường hợp cần thiết, một trong các bên có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung: Anh Vũ Ngọc B và chị Phạm Thị Ngọc T khai tự thỏa thuận nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

- Về nợ chung: Anh Vũ Ngọc B và chị Phạm Thị Ngọc T khai không có nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Vũ Ngọc B và chị Phạm Thị Ngọc T mỗi người phải nộp 150.000đ (Một trăm năm mươi ngàn đồng) lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) đã nộp theo biên lai thu tạm ứng lệ phí số 0004431 ngày 20/10/2022 của Chi cục thi hành án Dân sự thành phố Biên Hòa, anh B và chị T đã nộp đủ lệ phí theo quy định.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- UBND phường T, TP.B,
tỉnh Đồng Nai.
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Phú